TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 10 - 2019
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí Hiếu và bà Vũ Thị Duyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019, về việc *"Ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Thanh S - sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT và nơi ở: Thôn TC, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Nhàn - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Nam; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Đinh Thị H - sinh năm 1993; nơi ĐKHKTT: Thôn TC, xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định; nơi ở: Thôn B, xã TP, huyện TL, tỉnh Hà Nam. Chị H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Người phiên dịch: Bà Bùi Thị Thu Hương - Giáo viên giáo dục đặc biệt, thuộc Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh Nam Định; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/8/2019 và trong quá trình xét xử, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn Lê Thanh S trình bày:* Anh Lê Thanh S và chị Đinh Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định ngày 06/01/2018. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống và đăng ký hộ khẩu tại gia đình nhà chồng. Vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn (khoảng

01 năm) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bản thân anh S bị câm điếc nên việc giao tiếp giữa vợ chồng khó khăn. Ngoài ra, anh S nghi ngờ rằng chị H có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nên tự ý bỏ anh mà đi không có lý do, từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nữa. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình, đoàn thể, chính quyền địa phương hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không cải thiện. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị H theo quy định của pháp luật.

Về con: Vợ chồng chưa có con chung, hiện nay chị H không mang thai, nên anh không đề nghị giải quyết.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, bị đơn Đinh Thị H trình bày:* Về thời điểm kết hôn, thủ tục kết hôn, nơi đăng ký kết hôn, quá trình chung sống, chị nhất trí một phần trình bày của anh S. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng gần 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bản thân anh S là người khuyết tật bị câm, điếc nên việc giao tiếp, trao đổi giữa vợ chồng gặp nhiều khó khăn, dẫn đến có nhiều bất đồng, mâu thuẫn. Mặt khác, gia đình nhà anh S luôn muốn chị sinh con và tạo áp lực cho chị, nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không cải thiện. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhưng do theo đạo thiên chúa nên chị không được phép ly hôn; vì vậy chị không nhất trí ly hôn. Còn việc Tòa án xử ly hôn hay không ly hôn thì chị tôn trọng quyết định và cũng không có ý kiến gì.

Về con: Vợ chồng chưa có con chung, hiện nay chị không mang thai, nên chị không yêu giải quyết.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại phiên toà,***

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, nguyên đơn Lê Thanh S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51, Điều 65 của Luật Hôn nhân và Gia đình - Xử cho ly hôn giữa anh Lê Thanh S và chị Đinh Thị H. Tài sản, công nợ và các vấn đề khác nguyên đơn Lê Thanh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân

sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Xử ly hôn giữa anh Lê Thanh S và chị Đinh Thị H. Về án phí ly hôn sơ thẩm, anh Lê Thanh S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của anh Lê Thanh S có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là chị Đinh Thị H hiện đang cư trú tại thôn B, xã TP, huyện TL, tỉnh Hà Nam, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Bị đơn Đinh Thị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Lê Thanh S và chị Đinh Thị H là tự nguyện và hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng gần một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau; anh S bị câm, điếc nên việc giao tiếp, trao đổi giữa vợ chồng gặp nhiều khó khăn dẫn đến phát sinh bất đồng, mâu thuẫn, cả hai không thông cảm chia sẻ với nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng đã được gia đình, chính quyền địa phương hòa giải nhưng không cải thiện. Đến nay, cả anh S và chị H đều xác định tình cảm vợ chồng không còn; tuy nhiên chị H không nhất trí ly hôn do chị theo đạo thiên chúa, trong đạo không cho phép ly hôn. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh S và chị H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh S xin ly hôn chị H là có căn cứ, phù hợp với thực tế và pháp luật được quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con: Anh Lê Thanh S và chị Đinh Thị H chưa có con chung, hiện nay chị H không mang thai. Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh Lê Thanh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lê Thanh S và chị Đinh Thị H.

2. Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Lê Thanh S phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai số số 04529 ngày 13/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã YT, huyện YY, tỉnh Nam Định;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Xuân Cảnh